

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12/11/2021; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 02/2021/L-CTN ngày 15/11/2021; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2021.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ¹

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Luật năm 2015) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

1. Nghị quyết số 72/2018/QH14 ngày 12/11/2018 của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Hiệp định CPTPP) cùng các văn kiện liên quan (*Nghị quyết số 72/2018/QH14*) và Quyết định số 121/QĐ-TTg ngày 24/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP đã giao Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) tối cao chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan rà soát Luật 2015 để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới kịp thời, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và đúng lộ trình thực hiện các cam kết trong Hiệp định CPTPP². Theo Nghị quyết này, thời điểm cam kết liên quan đến Luật năm 2015 trong Hiệp định là 03 năm sau khi Hiệp định có hiệu lực, tức là ngày 14/01/2022.

Qua nghiên cứu, rà soát, đối chiếu, xin ý kiến các bộ, ngành cho thấy, quy định tại khoản 1 Điều 155 và khoản 8 Điều 157 Luật năm 2015 chưa tương thích với điểm g khoản 6 Điều 18.77 Hiệp định CPTPP đối với nội dung liên quan đến việc cho phép cơ quan có thẩm quyền có thể khởi tố vụ án hình sự về hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với *nhãn hiệu* mà không cần yêu cầu của người bị hại; từ đó, đặt ra yêu cầu phải bỏ quy định dẫn chiếu đến hành vi này tại khoản 1 Điều 155 và khoản 8 Điều 157 Luật năm 2015.

Việc xây dựng dự án Luật và trình Quốc hội khóa XV xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 2 là hết sức cần thiết để đáp ứng yêu cầu của Hiệp định CPTPP và bảo đảm đúng lộ trình thực hiện các cam kết trong Hiệp định CPTPP tại Nghị quyết số 72/2018/QH14.

¹ Tờ trình số 16/TTr-VKSTC ngày 10/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13.

² Tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 72/2018/QH14.

2. Thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về bố trí Công an xã chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã³, thực hiện quy định của pháp luật⁴, với phương châm “*bộ tinh, tinh mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở*”, hiện nay, lực lượng Công an xã đã được tổ chức chính quy (về chức danh, cơ cấu lực lượng, năng lực, trách nhiệm...) ⁵ là lực lượng nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa bàn xã; ***đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19*** đang diễn biến phức tạp như hiện nay thì Công an xã càng có vai trò quan trọng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm cần thiết phải xử lý ngay vụ việc tại ***địa bàn cơ sở***. Do vậy, việc bổ sung quy định về trách nhiệm kiểm tra, xác minh sơ bộ tố giác, tin báo về tội phạm đối với Công an xã (tương đương với trách nhiệm của Công an phường, thị trấn, Đoàn Công an) trong Luật năm 2015 là cần thiết để tăng cường vai trò của Công an xã, đồng thời kịp thời giảm tải khối lượng công việc hiện đang rất lớn cho Cơ quan điều tra Công an cấp huyện, giải quyết khó khăn, vướng mắc cấp bách trong hoạt động điều tra hình sự do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 từ địa bàn cấp cơ sở. Thực tế này đặt ra yêu cầu cần phải sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 146 Luật năm 2015.

3. Trước tình hình thiên tai lũ lụt nghiêm trọng xảy ra ở một số địa phương thời gian qua và diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 hiện nay, ***nhất là trong bối cảnh thực hiện triệt để việc giãn cách, cách ly theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ***, việc khởi tố, điều tra, truy tố nhiều vụ việc, vụ án hình sự gặp khó khăn, bị trì hoãn do không thể tiến hành được các hoạt động tố tụng, như: không thể phúc cung, lấy lời khai, tiến hành đối chất, tiến hành các thủ tục để trợ giúp pháp lý, bảo đảm sự tham gia của người bào chữa cho các đối tượng theo luật định; không thể yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp, trung cầu giám định hoặc yêu cầu định giá tài sản...; Viện kiểm sát cũng không thể ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc đình chỉ vụ án vì không có căn cứ. Nhiều vụ án, vụ việc phải gia hạn thời hạn giải quyết, tuy nhiên vẫn có khả năng không thể hoàn thành hồ sơ và các thủ tục tố tụng để xem xét, quyết định việc khởi tố, ra kết luận điều tra hoặc quyết định việc truy tố trong thời hạn luật định. Việc tổng đạt, giao các quyết định tố tụng cho người bị buộc tội, người tham gia tố tụng hoặc chuyển hồ sơ vụ án sang các giai đoạn tố tụng tiếp theo, việc chuyển các chứng cứ, tài liệu, đồ vật cho Viện kiểm sát, Tòa án... cũng bị trì hoãn, không thể tiến hành được. Trong khi đó, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 229 và khoản 1 Điều 247 Luật năm 2015 không có quy

³ Tại Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

⁴ Luật Công an nhân dân năm 2018, Nghị định số 42/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ quy định việc xây dựng Công an xã, thị trấn chính quy.

⁵ Hiện nay tất cả các xã đã bố trí đủ 05 Công an chính quy trở lên. Theo lộ trình đến hết ngày 30/6/2022 sẽ bố trí đủ biên chế ở mỗi xã từ 10 đến 12 đồng chí Công an chính quy.

định cho phép tạm đình chỉ trong trường hợp **“vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh”**. Điều này dẫn đến vụ án, vụ việc không có cách giải quyết tiếp theo đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, theo quy định của pháp luật, trong giai đoạn điều tra, nếu hết thời hạn điều tra mà không thể hoàn thiện được hồ sơ và thực hiện đầy đủ các hoạt động tố tụng theo luật định để chứng minh bị can đã thực hiện tội phạm thì sẽ phải đình chỉ điều tra; điều này có thể dẫn đến bỏ lọt tội phạm, người phạm tội, phải xem xét trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, thậm chí là xử lý trách nhiệm hình sự đối với người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, làm ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, giảm sút lòng tin trong Nhân dân, trong khi việc này không phải do lỗi chủ quan từ phía các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Dự báo trong thời gian tới, Việt Nam cũng như các nước khác trên thế giới sẽ còn phải chịu những tác động khó lường do biến đổi cực đoan của khí hậu và tình hình dịch bệnh ngày càng phức tạp do chưa kiểm soát được đại dịch Covid-19 và nguy cơ phát sinh các loại dịch bệnh khác nguy hiểm, có khả năng lây nhiễm cao hơn.

Do đó, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 229, khoản 1 Điều 247 Luật năm 2015 theo hướng **bổ sung** căn cứ tạm đình chỉ **“vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh”**. Việc bổ sung căn cứ tạm đình chỉ này sẽ tạo cơ sở pháp lý để giải quyết những khó khăn, vướng mắc cấp bách từ thực tiễn hiện nay cũng như khả năng phát sinh trong thời gian tới; bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân trong các trường hợp này, bởi sẽ có căn cứ pháp luật cho phép: khi không thể tiến hành được các hoạt động tố tụng thì cơ quan tiến hành tố tụng được tạm đình chỉ và không tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với người bị buộc tội; đồng thời, tạo cơ chế tố tụng để các cơ quan tiếp tục theo dõi, quản lý được vụ án, vụ việc tạm đình chỉ theo quy định của pháp luật; kiểm soát tội phạm; đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm; tránh được việc để xảy ra oan, sai; bỏ lọt tội phạm, người phạm tội.

Từ những lý do nêu trên, việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật năm 2015 là hết sức cần thiết để đáp ứng yêu cầu của Hiệp định CPTPP, bảo đảm đúng lộ trình thực hiện các cam kết trong Hiệp định CPTPP tại Nghị quyết số 72/2018/QH14 và giải quyết ngay những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn.

II. BỔ CỤC CỦA LUẬT

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự (*sau đây viết tắt là Luật năm 2021*) bổ cục thành 02 điều, cụ thể:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, trong đó sửa đổi, bổ sung 03 điều; bổ sung 03 điểm vào 03 điều của Luật năm 2015.

- Điều 2: Điều khoản thi hành (*sửa đổi, bổ sung Điều 44 của Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13 và quy định về hiệu lực thi hành*).

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Sửa đổi, bổ sung quy định về tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố (Khoản 3 Điều 146 Luật năm 2015)

Khoản 1 Điều 1 Luật năm 2021 quy định:

“1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 146 như sau:

“3. Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.”

Theo đó, Luật năm 2021 đã bổ sung chủ thể là Công an xã (*Luật năm 2015 chỉ quy định trách nhiệm của Công an phường, thị trấn, Đoàn Công an*) có trách nhiệm kiểm tra, xác minh sơ bộ tố giác, tin báo về tội phạm (*tương đương với trách nhiệm của Công an phường, thị trấn, Đoàn Công an*) để bảo đảm phù hợp với thực tiễn hiện nay lực lượng Công an xã đã được tổ chức chính quy tại cấp xã, tăng cường vai trò của Công an xã, đồng thời kịp thời giảm tải khối lượng công việc hiện đang rất lớn cho Cơ quan điều tra Công an cấp huyện, giải quyết khó khăn, vướng mắc cấp bách trong hoạt động điều tra hình sự do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 từ địa bàn cấp cơ sở.

Sau khi sửa đổi, Điều 146 Luật năm 2015 quy định như sau:

"Điều 146. Thủ tục tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

1. Khi cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 145 của Bộ luật này phải lập biên bản tiếp nhận và ghi vào sổ tiếp nhận; có thể ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh việc tiếp nhận.

Trường hợp tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố gửi qua dịch vụ bưu chính, điện thoại hoặc qua phương tiện thông tin khác thì ghi vào sổ tiếp nhận.

2. Trường hợp phát hiện tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố kèm theo tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Viện kiểm sát có trách nhiệm chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố kèm theo tài liệu có liên quan đã tiếp nhận cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

Trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 145 của Bộ luật này thì trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Viện kiểm sát có yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền đang thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đó phải chuyển hồ sơ có liên quan cho Viện kiểm sát để xem xét, giải quyết.

3. Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo tài liệu, đồ vật có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

4. Các cơ quan, tổ chức khác sau khi nhận được tố giác, tin báo về tội phạm thì chuyển ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền. Trường hợp khẩn cấp thì có thể báo tin trực tiếp qua điện thoại hoặc hình thức khác cho Cơ quan điều tra nhưng sau đó phải thể hiện bằng văn bản.

5. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc tiếp nhận đó cho Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền".

2. Bổ sung căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; tạm đình chỉ điều tra; tạm đình chỉ vụ án

2.1. Bổ sung căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm

Khoản 2 Điều 1 Luật năm 2021 quy định:

"2. Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 1 Điều 148 như sau:

"c) Không thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh để quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan quy định chi tiết điểm này."

Theo đó, Luật năm 2021 đã bổ sung vào Khoản 1 Điều 148 Luật năm 2015 căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh mà cơ quan có thẩm quyền giải quyết không thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh để quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án.

Sau khi bổ sung, Điều 148 Luật năm 2015 quy định như sau:

"Điều 148. Tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

1. Hết thời hạn quy định tại Điều 147 của Bộ luật này, cơ quan có thẩm quyền giải quyết quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Đã trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp nhưng chưa có kết quả;

b) Đã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với việc khởi tố hoặc không khởi tố vụ án nhưng chưa có kết quả;

c) Không thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh để quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh.

2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải gửi quyết định tạm đình chỉ kèm theo tài liệu liên quan đến Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền để kiểm sát và gửi quyết định tạm đình chỉ đó cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

Trường hợp quyết định tạm đình chỉ không có căn cứ thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ để tiếp tục giải quyết. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ, Viện kiểm sát phải gửi quyết định đó cho Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân đã tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tiếp không quá 01 tháng kể từ ngày Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận được quyết định hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ.

3. Trường hợp tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố thì việc giám định, định giá tài sản hoặc tương trợ tư pháp vẫn tiếp tục được tiến hành cho đến khi có kết quả".

2.2. Bổ sung căn cứ tạm đình chỉ điều tra

Khoản 5 Điều 1 Luật năm 2021 quy định:

"5. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1 Điều 229 như sau:

"d) Khi không thể kết thúc điều tra vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh nhưng đã hết thời hạn điều tra.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan quy định chi tiết điểm này."

Theo đó, Luật năm 2021 đã bổ sung vào Khoản 1 Điều 229 Luật năm 2015 căn cứ tạm đình chỉ điều tra vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh mà không thể kết thúc điều tra nhưng đã hết thời hạn điều tra.

Sau khi bổ sung, Điều 229 Luật năm 2015 quy định như sau:

"Điều 229. Tạm đình chỉ điều tra

1. Cơ quan điều tra ra quyết định tạm đình chỉ điều tra khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Khi chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn điều tra vụ án. Trường hợp không biết rõ bị can đang ở đâu, Cơ quan điều tra phải ra quyết định truy nã trước khi tạm đình chỉ điều tra;

b) Khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo thì có thể tạm đình chỉ điều tra trước khi hết thời hạn điều tra;

c) Khi trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn điều tra. Trong trường hợp này, việc giám định, định giá tài sản, tương trợ tư pháp vẫn tiếp tục được tiến hành cho đến khi có kết quả.

d) Khi không thể kết thúc điều tra vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh nhưng đã hết thời hạn điều tra.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan quy định chi tiết điểm này.

2. Trường hợp vụ án có nhiều bị can mà lý do tạm đình chỉ điều tra không liên quan đến tất cả bị can thì có thể tạm đình chỉ điều tra đối với từng bị can.

3. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ điều tra, Cơ quan điều tra phải gửi quyết định này cho Viện kiểm sát cùng cấp, bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can; thông báo cho bị hại, đương sự và người bảo vệ quyền lợi của họ".

2.3. Bổ sung căn cứ tạm đình chỉ vụ án

Khoản 6 Điều 1 Luật năm 2021 quy định:

"6. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1 Điều 247 như sau:

"d) Khi không thể tiến hành các hoạt động tố tụng để quyết định việc truy tố vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh nhưng đã hết thời hạn quyết định việc truy tố.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan quy định chi tiết điểm này. ". "

Theo đó, Luật năm 2021 đã bổ sung vào khoản 1 Điều 247 Luật năm 2015 căn cứ tạm đình chỉ vụ án hình sự vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch

bệnh mà không thể tiến hành các hoạt động tố tụng để quyết định việc truy tố nhưng đã hết thời hạn quyết định việc truy tố.

Sau khi bổ sung, Điều 247 Luật năm 2015 quy định như sau:

"Điều 247. Tạm đình chỉ vụ án

1. Viện kiểm sát quyết định tạm đình chỉ vụ án trong các trường hợp:

a) Khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo thì có thể tạm đình chỉ vụ án trước khi hết thời hạn quyết định việc truy tố;

b) Khi bị can bỏ trốn mà không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn quyết định việc truy tố; trong trường hợp này phải yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can trước khi tạm đình chỉ vụ án. Việc truy nã bị can được thực hiện theo quy định tại Điều 231 của Bộ luật này;

c) Khi trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp mà chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn quyết định việc truy tố. Trong trường hợp này, việc giám định, định giá tài sản, tương trợ tư pháp tiếp tục tiến hành cho đến khi có kết quả.

d) Khi không thể tiến hành các hoạt động tố tụng để quyết định việc truy tố vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh nhưng đã hết thời hạn quyết định việc truy tố.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan quy định chi tiết điểm này.

2. Quyết định tạm đình chỉ vụ án phải ghi rõ lý do, căn cứ tạm đình chỉ vụ án, các vấn đề khác có liên quan và các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 132 của Bộ luật này.

Trường hợp vụ án có nhiều bị can mà căn cứ để tạm đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả bị can thì tạm đình chỉ vụ án đối với từng bị can".

Việc bổ sung các căn cứ tạm đình chỉ nêu trên để giải quyết khó khăn, vướng mắc cấp bách từ thực tiễn hiện nay trước tình hình thiên tai lũ lụt nghiêm trọng xảy ra ở một số địa phương thời gian qua và diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 hiện nay, nhất là trong bối cảnh phải thực hiện triệt để việc giãn cách, cách ly xã hội, việc khởi tố, điều tra, truy tố nhiều vụ việc, vụ án hình sự gặp khó khăn, bị trì hoãn do không thể tiến hành được các hoạt động tố tụng. Nhiều vụ việc, vụ án đã phải gia hạn thời hạn giải quyết, tuy nhiên vẫn có khả năng không thể hoàn thành hồ sơ hoặc không thể tiến hành được đầy đủ các thủ tục tố tụng để xem xét, quyết định việc khởi tố, kết luận điều tra, quyết định việc truy tố trong thời hạn luật định. Hơn nữa, theo quy định của pháp luật, trong giai đoạn điều tra, nếu hết thời hạn điều tra mà không thể hoàn thiện được hồ sơ và thực hiện đầy đủ các hoạt động tố tụng theo luật định để chứng minh bị can đã thực hiện tội phạm thì sẽ phải đình chỉ điều tra, điều này có thể

dẫn đến bỏ lọt tội phạm, người phạm tội, phải xem xét trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, thậm chí là xử lý trách nhiệm hình sự đối với người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, làm ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, giảm sút lòng tin trong Nhân dân, trong khi việc này không phải do lỗi chủ quan từ phía các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Việc bổ sung căn cứ tạm đình chỉ này đã tạo cơ sở pháp lý làm căn cứ giải quyết những khó khăn, vướng mắc nêu trên; đồng thời, bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân trong các trường hợp này, bởi vì khi không thể tiến hành được các hoạt động giải quyết vụ án, vụ việc thì có căn cứ pháp luật để cơ quan tiến hành tố tụng tạm đình chỉ và không tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với người bị buộc tội, tạo cơ chế tố tụng để các cơ quan tiếp tục theo dõi, quản lý được vụ án, vụ việc tạm đình chỉ theo quy định của pháp luật; kiểm soát tội phạm; đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm; tránh được việc để xảy ra oan, sai; bỏ lọt tội phạm, người phạm tội.

Đồng thời, để bảo đảm áp dụng thống nhất, chặt chẽ, tránh lạm dụng, tạo thuận lợi cho việc hợp nhất Luật và BLTTHS năm 2015, tại các khoản này của Luật cũng quy định giao cho *Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan quy định chi tiết việc tạm đình chỉ “vì lý do bất khả kháng do thiên tai, dịch bệnh”*. Trên cơ sở đó, các cơ quan tố tụng sẽ phải cân nhắc, xem xét thận trọng khi quyết định áp dụng căn cứ này đối với từng trường hợp cụ thể, hạn chế tối đa việc ảnh hưởng đến giải quyết vụ án, vụ việc khi được phục hồi.

3. Sửa đổi, bổ sung quy định về khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại và căn cứ không khởi tố vụ án hình sự

Khoản 3 và khoản 4 Điều 1 Luật năm 2021 quy định như sau:

“3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 155 như sau:

“1. Chỉ được khởi tố vụ án hình sự về tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155 và 156 của Bộ Luật hình sự khi có yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 157 như sau:

“8. Tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155 và 156 của Bộ luật hình sự mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố.”

Theo đó, Luật năm 2021 đã sửa đổi, bổ sung theo hướng:

(1) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 155 Luật năm 2015, theo đó bỏ nội dung dẫn chiếu tới Điều 226 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm

2017 (**Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp**), cho phép cơ quan tố tụng có thẩm quyền có thể khởi tố vụ án hình sự hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với cả *nhãn hiệu* và *chỉ dẫn địa lý* mà không cần có yêu cầu khởi tố của bị hại.

(2) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 157 Luật năm 2015, bỏ nội dung dẫn chiếu tới Điều 226 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), theo đó bỏ căn cứ không khởi tố vụ án hình sự trong trường hợp tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 226 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà bị hại hoặc người đại diện của bị hại không yêu cầu khởi tố. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chủ động trong việc khởi tố vụ án, xử lý hình sự đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, không phụ thuộc vào việc phải có yêu cầu khởi tố của bị hại.

Hiệp định CPTPP chỉ đặt ra yêu cầu phải bỏ quy định dẫn chiếu đến hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu theo khoản 1 Điều 226 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tại khoản 1 Điều 155 và khoản 8 Điều 157 Luật năm 2015. Tuy nhiên, Luật năm 2021 quy định thực hiện cơ chế này đối với cả chỉ dẫn địa lý để tương tự với cơ chế bảo vệ bằng thủ tục tố tụng hình sự đối với nhãn hiệu, qua đó, tăng cường bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý. Quy định này xuất phát từ tính chất, đặc điểm, vị trí, vai trò của chỉ dẫn địa lý, cụ thể như sau:

Thứ nhất, theo quy định của pháp luật thì nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý đều được sử dụng để chỉ dẫn nguồn gốc của sản phẩm, dịch vụ; việc xâm phạm đến quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý đều ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp, người tiêu dùng, trật tự thị trường.

Thứ hai, nếu như nhãn hiệu chỉ là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau và tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu đối với nhãn hiệu; thì chỉ dẫn địa lý có ý nghĩa quan trọng, là dấu hiệu dùng để phân biệt sản phẩm có nguồn gốc từ các khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc quốc gia khác nhau và thuộc sở hữu của Nhà nước.

Thứ ba, mặc dù tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, tổ chức tập thể đại diện cho các tổ chức, cá nhân đó hoặc cơ quan quản lý hành chính địa phương nơi có chỉ dẫn địa lý là các chủ thể thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý, nhưng những chủ thể này không trở thành chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý đó nên tính chủ động trong việc đưa ra yêu cầu khởi tố vụ án để xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý là không cao; còn Nhà nước với tư cách là chủ sở hữu quyền nhưng trên thực tế, việc Nhà nước chủ động yêu cầu khởi tố hành vi xâm phạm quyền nêu trên là khó khả thi.

Thứ tư, việc tăng cường bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý thông qua quy định cho phép cơ quan tố tụng có thẩm quyền chủ động khởi tố vụ án liên quan, sẽ góp phần bảo vệ hiệu quả hơn tài sản quốc gia,

thương hiệu sản phẩm của doanh nghiệp, địa phương, bảo đảm trật tự quản lý nhà nước trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp và phát huy những tác động tích cực khác đến kinh tế - xã hội của đất nước.

Hơn nữa, hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đều có tính chất tương đồng, mức độ nguy hiểm như nhau, cùng được quy định tại khoản 1 của Điều 226 Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử lý ở 01 khung hình phạt. Do đó, nếu chỉ bỏ quy định khởi tố theo yêu cầu của bị hại đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với **nhãn hiệu** mà không bỏ quy định này đối với **chỉ dẫn địa lý** thì sẽ không bảo đảm sự công bằng, thống nhất trong áp dụng chính sách hình sự và kỹ thuật lập pháp.

3. Điều khoản thi hành

3.1. Sửa đổi quy định về trách nhiệm của Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an tại Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự

Khoản 1 Điều 2 Luật năm 2021 quy định như sau:

“1. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 của Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13 như sau:

“Điều 44. Trách nhiệm của Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an

1. Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an có trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ và chuyển ngay tố giác, tin báo về tội phạm kèm theo các tài liệu, đồ vật có liên quan cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

2. Trường hợp Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an phát hiện, bắt giữ, tiếp nhận người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã thì thu giữ, tạm giữ vũ khí, hung khí và bảo quản tài liệu, đồ vật có liên quan, lập biên bản bắt người, lấy lời khai ban đầu, bảo vệ hiện trường theo quy định của pháp luật; giải ngay người bị bắt lên cơ quan Công an cấp trên trực tiếp hoặc báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền.”.

Trách nhiệm tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm của Công an xã được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự, Luật Công an nhân dân năm 2018, Pháp lệnh Công an xã năm 2008.

Hiện nay, Công an xã đã được tổ chức chính quy 100% nên Công an xã đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Công an nhân dân; trong đó, có những quy định chung về nhiệm vụ tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm (Luật Công an nhân dân không quy định nhiệm vụ cụ thể của Công an xã khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm). Do vậy, việc bổ sung trách nhiệm kiểm tra, xác minh sơ bộ tố giác, tin báo về tội phạm đối với Công an xã (trương đương với trách nhiệm của Công an phường, thị trấn, Đoàn Công an) tại Điều 146 Luật năm 2015 không mâu thuẫn với quy định của Luật Công an nhân dân và Pháp lệnh Công an xã.

Đối với Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự thì tại Điều 44 của Luật cũng quy định cụ thể về trách nhiệm của Công an xã trong tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm tương tự với Điều 146 Luật năm 2015, do vậy, khoản 1 Điều 2 của Luật năm 2021 đã sửa đổi, bổ sung Điều 44 của Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự, theo đó bổ sung quy định trách nhiệm của công an xã trong việc tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ và chuyển tố giác, tin báo về tội phạm cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật theo quy định tại Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3.2. Hiệu lực thi hành: Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng TU, VP TU;
- UBKT Tỉnh uỷ;
- Các Ban của HĐND tỉnh, VPHĐND tỉnh;
- UBMTTQ& TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội LG tỉnh; Đoàn LS tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN, HTX;
- Báo cáo viên PL tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các DNNN thuộc tỉnh quản lý;
- Các DNNN trung ương đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh
- Phòng TP huyện, TP;
- Trang TTĐT STP, PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Lưu: XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền)

để
tuyên
truyền

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYẾN QUANG